

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **125/2022/DS-ST**
Ngày: 29/8/2022
V/v: *Tranh chấp về chia thừa kế*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm Anh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Tạ Đức Minh
2. Bà Nguyễn Thị Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/8/2022 và 29/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-DS ngày 08/01/2022, về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXX-DS ngày 12/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HPT ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị M, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Số 9 ngõ 197/1 phố L Tổ 12 phường B, quận L, H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Hà thuộc văn phòng Luật sư Hà Lan và cộng sự Đoàn luật sư TP Hà Nội

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Số 9 ngõ 197/1 phố L Tổ 12 phường B, quận L, H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1954

Nơi cư trú: Số 1 ngõ 175 phố B, Tổ 13 phường B, quận L, H.

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1956

Nơi cư trú: Số 7 ngõ 197/1 phố L, Tổ 12 phường B, quận L, H.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1962

Nơi cư trú: Tổ 19 phường N, quận L, H.

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1967

Nơi cư trú: Số 3 ngõ 197/1 phố L, Tổ 12 phường B, quận L, Hà Nội.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Số 2 ngõ 197/1 phố L Tổ 12 phường B, quận L, H.

Ông Nguyễn Văn Minh, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Số 5 ngõ 197/1 phố L Tổ 12 phường B, quận L, H

Chị Trần Thị H, sinh năm 1983
Nơi cư trú: Số 9 ngõ 197/1 phố L Tổ 12 phường B, quận L, H.
Anh Nguyễn Trung K, sinh năm: 1988
Nơi cư trú: Số 9 ngõ 197/1 phố L Tổ 12 phường B, quận L, H.
Chị Đỗ Khánh H, sinh năm 1992
Nơi cư trú: Số 9 ngõ 197/1 phố L Tổ 12 phường B, quận L, H.
Cháu Nguyễn Thái S, sinh năm 2009 (con anh Nguyễn Trường G)
Cháu Nguyễn Đức D, sinh năm 2013 (con anh Nguyễn Trường G)
(Cháu Nguyễn Thái S và Nguyễn Đức D Do anh Nguyễn Trường G và chị Trần Thị H là đại diện theo pháp luật.
Cháu Nguyễn Nam C, sinh năm 2021 (con anh Nguyễn Trung K)
(Cháu Nguyễn Nam C Do anh Nguyễn Trung K và chị Đỗ Khánh H là đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lương Thị M trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn C năm 1981. Quá trình chung sống vợ chồng bà sinh được 02 người con đẻ gồm:

1. Anh Nguyễn Trường G (sinh năm 1981) có vợ là chị Trần Thị H, anh G và chị H sinh được 02 người con là Nguyễn Thái S (sinh năm 2009) và Nguyễn Đức D (sinh năm 2013). Vợ chồng anh G và hai con chung không đóng góp công sức và tiền bạc vào khối tài sản yêu cầu chia thừa kế.
2. Anh Nguyễn Trung K (sinh năm 1988) có vợ là chị Đỗ Khánh H (sinh năm 1992), anh K và chị H có sinh được 01 người con là Nguyễn Nam C (sinh năm 2021) và Nguyễn Đức D (sinh năm 2013). Vợ chồng anh K và con chung không đóng góp công sức và tiền bạc vào khối tài sản yêu cầu chia thừa kế.

Ngoài 02 người con đẻ nêu trên ông C bà M không có người con đẻ hay con nuôi nào khác.

Ngày 26/9/2009 ông Nguyễn Văn C chết (Giấy chứng tử số 53 ngày 29/9/2009 do ủy ban nhân dân phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội cấp) không để lại di chúc. Tại thời điểm ông C chết thì mẹ ông C đã mất, bố ông C là cụ Nguyễn Văn S còn sống. Ngày 01/1/2021 cụ Nguyễn Văn S chết (Trích lục khai tử số 198 ngày 24/6/2021 do Ủy ban nhân dân phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội cấp) cũng không để lại di chúc. Sinh thời cụ Nguyễn Văn S sinh được 07 người con gồm Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn Minh sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn C (đã mất). Ngoài 7 người con đẻ trên cụ S không có người con đẻ hay con nuôi nào khác.

Ngày 24/5/2005 vợ chồng bà được UBND quận Long Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD473733 đối với Diện tích 275 m² (sử dụng riêng là 182 m², sử dụng chung 93 m²) thửa 293 tờ bản đồ số 15 địa chỉ tổ 12

phường B quận L, TP Hà Nội nay là (số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L) và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà bê tông 1 tầng diện tích xây dựng là 25 m². Năm 2008 vợ chồng bà chuyển nhượng 77.4 m² đất sử dụng riêng thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 15 cho ông Lê Quyết T và bà Bùi Hồng S trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 19/2008 lập tại UBND phường Bồ Đề ngày 8/3/2008. Số tiền chuyển nhượng đất ông bà xây dựng trên diện tích đất còn lại 02 khối nhà bê tông 3 tầng 1 tum riêng biệt, mỗi nhà diện tích xây dựng khoảng hơn 40 m² và sân trước nhà 13m² Số tiền xây nhà lấy tiền bán đất, các con cháu không phải đóng góp gì. Sau khi ông C mất bà và các con cháu sinh sống trên nhà đất này và không xây dựng coi nói gì thêm. Quá trình chung sống cùng con cháu giữa bà và các con xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Để cuộc sống của bà bình yên tránh ưu phiền ảnh hưởng đến sức khỏe bà đề nghị Tòa án nhân dân quận Long Biên xem xét phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Cụ thể: Chia di sản thừa kế ông C để lại là ½ nhà đất tại số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L. Xác định ½ nhà đất tại số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà.

Bà đề nghị Tòa án xác định diện tích đất 52.3 m² đất sử dụng riêng và 93 m² sử dụng chung, trên đất có ngôi nhà 3,5 tầng hiện bà và gia đình anh Nguyễn Trường G đang cùng sinh sống là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà.

Bà đề nghị Tòa án xác định phần di sản thừa kế của ông C sau khi trừ đi phần thuộc sở hữu riêng của bà là 52.3 m² đất sử dụng riêng và sử dụng chung 93 m², trên đất có ngôi nhà 3,5 tầng hiện do gia đình anh Nguyễn Trung K đang sinh sống được chia theo luật. Bà yêu cầu được hưởng thừa kế bằng tiền.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Hà trình bày:

- Về diện tích đất: Đề nghị Tòa án công nhận theo kết quả đo vẽ thực tế là 110,8m².

- Đề nghị tòa xác định ½ diện tích đất sử dụng riêng và ngôi nhà 3.5 tầng (có DTS 145,2 m² ; DTXD là 41.5 m² , diện tích sân 13 m²) ; 93 m² đất sử dụng chung là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà. Đề nghị Tòa án phân chia cho nguyên đơn được hưởng quyền lợi về tài sản bằng hiện vật và chia cho nguyên đơn đúng vị trí mà nguyên đơn đang ở.

- Đề nghị Tòa án xác định phần di sản thừa kế của ông C sau khi trừ đi phần thuộc sở hữu riêng của bà là 1/2 đất sử dụng riêng và ngôi nhà 3.5 tầng (DTS 143.1 m² , DTXD là 40.9 m² , diện tích sân 13,4 m²) ; 93 m² đất sử dụng chung hiện do gia đình anh Nguyễn Trung K đang sinh sống được chia theo luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C. Bà yêu cầu được hưởng thừa kế bằng tiền.

Do bà và các con cùng quản lý tài sản của ông C để lại nên bà không yêu cầu tính công sức trong khối tài sản thừa kế. Bà M cam đoan khi ông C và cụ S còn sống, ông C và cụ S không vay nợ ai, khi chết đến nay cũng không thấy ai đến đòi nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là anh Nguyễn Trường G trình bày:

Anh nhất trí với nguyên đơn trình bày về quan hệ huyết thống và nguồn gốc nhà đất đang yêu cầu chia thừa kế. Anh không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà M bởi nhà đất trên có nguồn gốc cha ông để lại cho con cháu đời sau sinh sống thờ tự. Hiện nay vợ chồng anh và bà M trực tiếp sinh sống quản lý 52.3 m² đất, trên đất xây dựng 01 nhà 3.5 tầng (nằm giữa phần diện tích đất gia đình chuyển nhượng và nhà đất do vợ chồng anh K đang quản lý). Trong quá trình sinh sống kể từ khi xây dựng đến nay nhà đất trên vẫn giữ nguyên hiện trạng không sửa chữa coi nói gì. Tiền xây nhà là tiền bán đất bản thân bố mẹ và anh cũng không bỏ tiền riêng để xây dựng nhà. Vợ chồng anh không có nơi ở nào khác nên trong trường hợp theo quy định của pháp luật phải chia thừa kế thì anh xin được hưởng bằng hiện vật là nhà đất để có nơi sinh sống thờ cúng. Anh xin được chia kỷ phần thừa kế tại nhà anh đang ở và không đồng ý nhận chung kỷ phần với người khác. Anh cũng không có điều kiện thanh toán kỷ phần thừa kế cho người khác. Anh không yêu cầu tính công sức duy trì tôn tạo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Trung K có ý kiến:

Anh nhất trí với nguyên đơn trình bày về quan hệ huyết thống và nguồn gốc nhà đất đang yêu cầu chia thừa kế. Hiện vợ chồng anh và con anh đang sinh sống tại ngôi nhà 3.5 tầng(nhà tiếp giáp với nhà bà M và gia đình anh G đang ở). Anh khẳng định tiền xây 02 ngôi nhà hiện có là tiền bố anh bán đất và mọi người cũng không ai đóng góp gì. Quá trình sinh sống tại nhà đất trên vợ chồng anh không sửa chữa gì thêm. Vợ chồng anh không có nơi ở nào khác nên trong trường hợp theo quy định của pháp luật phải chia thừa kế thì anh xin được hưởng bằng hiện vật là nhà đất. Anh xin được chia kỷ phần thừa kế tại nhà anh đang ở và không đồng ý nhận chung kỷ phần với người khác. Anh không yêu cầu tính công sức duy trì tôn tạo.

Trong quá trình tố tụng chị Trần Thị H và Đỗ Khánh H có ý kiến:

Các chị hiện đang sinh sống cùng chồng con tại nhà đất do ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M (bố mẹ chồng) tạo lập. Quá trình sinh sống các chị không có đóng góp công sức gì nên đề nghị được vắng mặt trong quá trình tố tụng và xét xử.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Nguyễn Văn S:

Trong quá trình tố tụng Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn Minh sinh năm 1975 cùng có ý kiến : Bố mẹ chúng tôi là cụ Nguyễn Văn S và cụ Nguyễn Thị L. Sinh thời bố mẹ chúng tôi sinh được 07 người con đẻ gồm Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn Minh sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn C (đã mất). Ngoài 7 người con đẻ nêu trên bố mẹ chúng tôi không có người con đẻ hay con nuôi nào khác. Ngày 26/9/2009 ông Nguyễn Văn C mất, ngày 01/1/2021 cụ Nguyễn Văn S chết, chúng tôi được kế thừa

quyền và nghĩa vụ của cụ S. Bà M khởi kiện chia thừa kế theo luật di sản của ông C để lại, các ông bà thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo luật và xin được nhận kỹ phần thừa kế của mình bằng tiền.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lương Thị M có đơn khởi kiện chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn C (chồng bà) theo pháp luật là nhà đất tại số 9 ngõ 197/1 phố L, tổ 12 phường B, quận L, TP H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là chia thừa kế và yêu cầu công nhận tài sản riêng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; vì vậy Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh.

Căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015; Điều 675, Điều 676 BLDS 2005; Điều 623 BLDS 2015; Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 về lệ phí, án phí tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn là bà Lương Thị M đối với di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C.

Xác định Nhà đất tại số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L bao gồm : 110,8 m² đất sử dụng riêng và các công trình xây dựng trên đất; có giá trị 7.426.820.460 đồng là tài sản chung vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M.

- Xác định tài sản thuộc sở hữu của bà Lương Thị M là $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất tại địa chỉ số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L ; có giá trị 3.713.410.230 đồng.

- Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C là $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất tại địa chỉ số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L ; có giá trị 3.713.410.230 đồng.

- Chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C.

04 kẻ phần thừa kế gồm bà Lương Thị M, anh Nguyễn Trường G, anh Nguyễn Trung K, ông Nguyễn Văn S (do Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn C (chết năm 2009 nên anh Nguyễn Trung K và Nguyễn Trường G hưởng thừa kế thế vị) là người thừa kế chuyển tiếp). Mỗi kẻ phần thừa kế được hưởng là 3.713.410.230 đồng /4 = 928.352.557 đồng.

- Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn C (do anh Nguyễn Trung K và Nguyễn Trường G hưởng thừa kế thế vị) là người thừa

kế chuyển tiếp của ông Nguyễn Văn S, mỗi kỳ phần được hưởng thừa kế từ cụ S là $928.352.557 \text{ đồng} / 7 = 132.621.793 \text{ đồng}$. Nguyễn Trung K và anh Nguyễn Trường G mỗi người được hưởng thừa kế thế vị là $132.621.793 \text{ đồng} / 2 = 66.310.896 \text{ đồng}$.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị M, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn C nhận ký phần thừa kế bằng tiền.

* Chép nhÿn yªu cÇu ®Ò nghÞ ®-íc h-êng thõa kÕ b»ng hiÖn vÛt lỵ nhự ®Ût cĩa anh Nguyễn Trung K.

- Chia cho nguyên đơn là bà Lương Thị M được sở hữu diện tích đất 56.3 m^2 sử dụng riêng 93 m^2 đất sử dụng chung thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 15 (nay là nhà số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L TP Hà Nội) và ngôi nhà B3.5 diện tích xây dựng là 145.2 m^2 và sân phía trước lợp mái có diện tích 13 m^2 xây trên diện tích đất 56.3 m^2 (Hiện do bà Lương Thị M và gia đình anh Nguyễn Trường G sinh sống) và

- Chia cho anh Nguyễn Trung K được sở hữu $54,5 \text{ m}^2$ đất sử dụng riêng 93 m^2 đất sử dụng chung thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 15 (nay là nhà số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L TP Hà Nội) và ngôi nhà Nhà B3.5 diện tích xây dựng là 143.1 m^2 và sân phía trước lợp mái có diện tích $13,4 \text{ m}^2$ xây trên diện tích đất $54,5 \text{ m}^2$ (Hiện do gia đình anh Nguyễn Trung K sinh sống)

Anh Nguyễn Trung K được hưởng ký phần thừa kế là $928.352.557 \text{ đồng}$ và được hưởng thừa kế thế vị là $132.621.793 \text{ đồng} / 2 = 66.310.896 \text{ đồng}$. Tổng cộng là $994.663.453 \text{ đồng}$;

- Anh Nguyễn Trung K phải thanh toán cho các ký phần thừa kế của của ông Nguyễn Văn C.

- Về án phí: Bà Lương Thị M là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên thấy cần miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L đã được hướng dẫn làm đơn miễn nộp án phí nhưng không nộp đơn nên không được miễn án phí. Anh Nguyễn Trường G, anh Nguyễn Trung K, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh phải chịu án phí dân sự tương ứng với giá trị di sản thừa kế được hưởng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lương Thị M có đơn khởi kiện chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn C (chồng bà) theo pháp luật là nhà đất tại số 9 ngõ 197/1 phố L, tổ 12 phường B, quận L, TP H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là chia thừa kế và yêu cầu công nhận tài sản riêng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; vì vậy Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2].Việc tham gia tố tụng của các đương sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn Minh sinh năm 1975 có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn Minh sinh năm 1975

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1- Căn cứ vào lời khai thống nhất của các đương sự, xác minh tại UBND phường Bồ Đề, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đủ cơ sở xác định: Nguồn gốc nhà đất tại địa chỉ số 9 ngõ 197/1 phố L, tổ 12 phường B, quận L, TP H hiện các đương sự đang có tranh chấp yêu cầu chia thừa kế là của ông cha để lại và ngày 24/5/2005 được UBND quận Long Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD473733 đối với Diện tích 275 m² (sử dụng riêng là 182 m², sử dụng chung 93 m²) thửa 293 tờ bản đồ số 15 địa chỉ tổ 12 phường Bồ Đề quận Long Biên, TP Hà Nội nay là (số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L) và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà bê tông 1 tầng diện tích xây dựng là 25 m² cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M. Trong quá trình sử dụng đất thì vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M chuyển nhượng 77.4 m² đất sử dụng riêng thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 15 cho ông Lê Quyết T và bà Bùi Hồng S trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 19/2008 lập tại UBND phường Bồ Đề ngày 8/3/2008. Sau khi chuyển nhượng thì vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M phá nhà cấp 4 cũ và xây dựng trên toàn bộ diện tích đất sử dụng riêng còn lại bao gồm 02 khối nhà 3.5 tầng riêng biệt giống nhau phía trước nhà 3.5 tầng là nhà tạm mái lợp tôn. Tiền xây dựng 02 khối nhà 3.5 tầng là tiền chuyển nhượng 77.4 m² đất, các con cháu không có đóng góp gì. Sau khi ông C mất thì bà M và các con tiếp tục quản lý sử dụng nhà đất. HĐXX xác định 110,8 m² (theo số liệu đo đạc thực tế) sử dụng riêng và các công trình xây dựng trên đất; 93 m² sử dụng chung) thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 15 (địa chỉ: số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L) là tài sản chung vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M.

- Về diện tích đất:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD473733 thì ông C bà M được quyền sử dụng 275 m² đất (sử dụng riêng là 182 m², sử dụng chung 93 m²), ông bà chuyển nhượng 77,4 m² sử dụng riêng thì diện tích đất còn lại là 104,6 m². Kết quả đo đạc thực tế theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2022 có diện tích 110.8 m². Căn cứ vào lời khai của đương sự và xác minh cho thấy kể từ thời điểm cấp giấy chứng nhận đến nay thửa đất giữ nguyên hiện trạng, mốc giới sử dụng ổn định xây tường và nhà bao quanh, không có tranh chấp với các hộ liền kề, chênh lệch diện tích là do thời điểm cấp giấy chứng nhận đo thủ công, sai số khi đo đạc. Vì vậy đề nghị công nhận hình thể và diện tích theo bản trích đo lập ngày 02/6/2022 của Công ty cổ phần địa chính Thăng Long là có căn cứ.

- Về công trình xây dựng trên đất: Các đương sự đều thống nhất xác nhận các công trình xây dựng trên đất hiện có do ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M xây dựng tôn tạo hình thành từ nguồn tiền bán 77,4 m² đất, con cháu không ai đóng góp gì, các tài sản trên đất được xác định như sau:

+ Nhà B3.5 diện tích xây dựng là 145.2 m² và sân phía trước lợp mái có diện tích 13 m² (Hiện do bà Lương Thị M và gia đình anh Nguyễn Trường G sinh sống) theo kết quả đo đạc thực tế và đơn giá xây dựng theo kết quả định giá là 5.931.000 đồng/m²:

$$145.2 \text{ m}^2 \times 5.931.000 \text{ đồng/m}^2 \times 44 \% = 378.919.728 \text{ đồng};$$

Sân nhà tam phía trước trị giá có đơn giá xây dựng là 2.278.000 đồng/m²

$$13 \text{ m}^2 \times 2.278.000 \text{ đồng/m}^2 \times 44 \% = 13.030.160 \text{ đồng}.$$

+ Nhà B3.5 diện tích xây dựng là 143.1 m² và sân phía trước lợp mái có diện tích 13.4 m² (Hiện do gia đình anh Nguyễn Trung K sinh sống) theo kết quả đo đạc thực tế và đơn giá xây dựng theo kết quả định giá là 5.931.000 đồng/m²:

$$143.1 \text{ m}^2 \times 5.931.000 \text{ đồng/m}^2 \times 44 \% = 373.439.484 \text{ đồng};$$

Sân nhà tam phía trước trị giá có đơn giá xây dựng là 2.278.000 đồng/m²

$$13.4 \text{ m}^2 \times 2.278.000 \text{ đồng/m}^2 \times 44 \% = 13.431.088 \text{ đồng}.$$

Tổng giá trị tài sản trên đất là : 378.919.728 đồng + 13.030.160 đồng + 373.439.484 đồng + 13.431.088 đồng = 778.820.460 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá là 60.000.000 đồng/m²

$$110,8 \text{ m}^2 \times 60.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 6.648.000.000 \text{ đồng}.$$

Xác định giá trị tài sản chung vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M cụ thể là :

$$6.648.000.000 \text{ đồng} + 778.820.460 \text{ đồng} = 7.426.820.460 \text{ đồng}$$

2.2 Thời điểm mở thời kế và thời hiệu khởi kiện

Ông Nguyễn Văn C mất ngày 26/9/2009. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đơn khởi kiện của bà M nằm trong thời hiệu khởi kiện.

2.3 Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 213 Bộ luật dân sự ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M mỗi người được sở hữu ½ diện tích nhà đất tại số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L gồm 110,8

m² đất sử dụng riêng và các công trình xây dựng trên đất; 93 m² đất sử dụng chung thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 15.

Theo biên bản định giá tổng giá trị tài sản thuộc sở hữu chung vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M là 7.426.820.460 đồng. Ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M mỗi người là $7.426.820.460 \text{ đồng} / 2 = 3.713.410.230 \text{ đồng}$.

Ông Nguyễn Văn Chung mất ngày 26/9/2009 không để lại di chúc, Do vậy HĐXX xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 213 Bộ luật dân sự ; Điều 650 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

2.4 Về hàng thừa kế, những người thừa kế theo pháp luật.

Ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bồ Đề, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội ngày 02/01/1991. (Bà M là vợ duy nhất) Ông C bà M có hai người con đẻ là Nguyễn Trường G và Nguyễn Trung K, ngoài hai người con đẻ trên không có người con đẻ con riêng hay con nuôi nào khác. Các cụ thân sinh ra ông Nguyễn Văn C gồm cụ Nguyễn Thị L chết năm 2001 trước ông C và cụ Nguyễn Văn S. Cụ Nguyễn Văn S chết ngày 01/1/2021 (Trích lục khai tử số 198 ngày 24/6/2021 do Ủy ban nhân dân phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội cấp), cụ S chết không để lại giấy tờ di chúc. Sinh thời cụ S có người vợ duy nhất là cụ Nguyễn Thị L. Cụ Lương và cụ S có 07 người con đẻ gồm Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn Minh sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn C (đã mất). Ngoài 7 người con đẻ trên cụ S không có người con đẻ con riêng hay con nuôi nào khác.

Căn cứ vào Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Nguyễn Văn C có 04 người gồm: Bà Lương Thị M, anh Nguyễn Trường G, anh Nguyễn Trung K, cụ Nguyễn Văn S. Do cụ Nguyễn Văn S đã chết nên kỹ phần thừa kế của cụ S được hưởng từ ông Nguyễn Văn C sẽ do những người thừa kế theo luật của cụ S được hưởng thừa kế chuyển tiếp. Những người thừa kế theo pháp luật của ông San gồm 7 người là Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn Minh sinh năm 1975. Ông Nguyễn Văn C (ông C mất năm 2019) nên các con của ông C là anh Nguyễn Trường G và anh Nguyễn Trung K được thừa kế thế vị.

2.5 Giá trị theo kỹ phần :

Phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C được chia cho 4 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm : (1) Bà Lương Thị M, (2) anh Nguyễn Trường G, (3) anh Nguyễn Trung K, (4) cụ Nguyễn Văn S chết năm 2021 nên kỹ phần thừa kế của cụ S do Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn Minh sinh năm 1975 Ông Nguyễn Văn C (ông C mất năm 2019 nên các con của ông C là

anh Nguyễn Trường G và anh Nguyễn Trung K được thừa kế thế vị) được hưởng thừa kế chuyển tiếp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 mỗi người thừa kế cùng hàng thừa kế được hưởng một phần di sản bằng nhau là $3.713.410.230 \text{ đồng} : 4 = 928.352.557 \text{ đồng}$ tính tại thời điểm xét xử

Những người thừa kế của cụ Nguyễn Văn S gồm Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn T sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn Minh sinh năm 1975, Ông Nguyễn Văn C (ông C mất năm 2019 nên các con của ông C là anh Nguyễn Trường G và anh Nguyễn Trung K được thừa kế thế vị) mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là $928.352.557 \text{ đồng} / 7 = 132.621.793 \text{ đồng}$.

2.6 Phân chia tài sản chung và di sản thừa kế bằng hiện vật.

Xét nguyện vọng của bà Lương Thị M yêu cầu được hưởng phần tài sản riêng trong khối tài sản chung với ông C bằng hiện vật là nhà đất; anh Nguyễn Trường G, anh Nguyễn Trung K yêu cầu được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật là nhà đất. HĐXX nhận thấy phần di sản thừa kế của ông C để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất tại số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L có diện tích đất $110,8 \text{ m}^2 / 2 = 55,4 \text{ m}^2$ đất. Mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là $55,4 \text{ m}^2 \text{ m}^2 / 4 = 13.85 \text{ m}^2$.

Bà M đã cao tuổi không còn khả năng lao động, không có thu nhập hàng tháng, quá trình sống chung cùng các con phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể sống hòa thuận dưới một mái nhà. Bà M được sở hữu $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất. Bà M có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống ở riêng một mình tại ngôi nhà 3.5 tầng hiện đang ở là chính đáng nên HĐXX chấp thuận. Bị đơn là anh Nguyễn Trường G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Trung K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M vì cho rằng nguồn gốc tài sản bà M ông C có được là do tổ tiên để lại để con cháu sinh sống và thờ cúng. Cả anh Nguyễn Trường G và Nguyễn Trung K đều không đồng ý ở chung cùng nhau trong một ngôi nhà Anh Nguyễn Trường G không có điều kiện để thanh toán cho các kỹ phần thừa kế khác. Để đảm bảo kết cấu kiến trúc ngôi nhà và đảm bảo sự ổn định thấy cần chia cho anh Nguyễn Trung K bằng hiện vật. Do mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng 13.85 m^2 đất nên không đủ điều kiện để chia tách thừa theo quy định do vậy yêu cầu được hưởng hiện vật bằng nhà đất của anh Nguyễn Trường G không được chấp nhận.

Từ nhận định trên HĐXX chia cụ thể như sau:

- Xác định $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất tại số nhà số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L gồm $110,8 \text{ m}^2$ đất sử dụng riêng và các công trình xây dựng trên đất; 93 m^2 đất sử dụng chung thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 15.

Và các công trình xây dựng trên đất là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà Lương Thị M.

- Xác định $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất còn lại tại nhà số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L gồm $110,8 \text{ m}^2$ đất sử dụng riêng và các công trình xây dựng trên đất; 93 m^2 đất sử dụng chung thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 15 Và

các công trình xây dựng trên đất là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C để lại.

- Chia cho nguyên đơn là bà Lương Thị M diện tích đất 56.3 m² đất sử dụng riêng được giới hạn bởi các điểm 2,2'6'7,2, 93 m² đất sử dụng chung được giới hạn bởi các điểm 4,5,6,...17,18,4 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 15 nay là nhà số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L TP Hà Nội có giá trị quyền sử dụng đất là $56.3 \text{ m}^2 \times 60.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 3.378.000.000 \text{ đồng}$ và các công trình xây dựng trên đất gồm Nhà B3.5 diện tích xây dựng là 145.2 m² và sân phía trước lợp mái có diện tích 13 m² (Hiện do bà Lương Thị M và gia đình anh Nguyễn Trường G sinh sống) có giá trị là 391.949.888 đồng. Tổng cộng 3.378.000.000 đồng + 391.949.888 đồng = 3.769.949.888 đồng. Giá trị tài sản bà Lương Thị M được hưởng trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Văn C là $7.426.820.460 \text{ đồng} / 2 = 3.713.410.230 \text{ đồng}$. Do vậy số tiền chênh lệch là 3.769.949.888 đồng - 3.713.410.230 đồng = 56.539.658 đồng, được khấu trừ vào kỷ phần thừa kế của bà hưởng từ di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C để lại.

- Chia cho anh Nguyễn Trung K được sở hữu 54,5 m² đất sử dụng riêng được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,6',2'; 93 m² đất sử dụng chung được giới hạn bởi các điểm 4,5,6,...17,18,4 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 15 nay là nhà số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L TP Hà Nội có giá trị quyền sử dụng đất là $54,5 \text{ m}^2 \times 60.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 3.270.000.000 \text{ đồng}$ và các công trình xây dựng trên đất gồm Nhà B3.5 diện tích xây dựng là 143.1 m² và sân phía trước lợp mái có diện tích 13,4 m² (Hiện do gia đình anh Nguyễn Trung K sinh sống) có giá trị là 386.870.572 đồng. Tổng cộng là 3.270.000.000 đồng + 386.870.572 đồng = 3.656.870.572 đồng.

Anh Nguyễn Trung K được hưởng kỷ phần thừa kế là 928.352.557 đồng và được hưởng thừa kế thế vị là $132.621.793 \text{ đồng} / 2 = 66.310.896 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 994.663.453 đồng;

Thanh Toán bằng giá trị như sau :

- Anh Nguyễn Trung K phải thanh toán cho bà Lương Thị M số tiền 928.352.557 - 56.539.658 đồng = 871.812.899 đồng;

- Anh Nguyễn Trung K phải thanh toán cho anh Nguyễn Trường G số tiền 994.663.453 đồng.

- Anh Nguyễn Trung K phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là 132.621.793 đồng;

[3] Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án, cần áp dụng các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án.

[4] Về án phí:

Bà Lương Thị M là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên thấy cần miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L đã

được hướng dẫn làm đơn miễn nộp án phí nhưng không nộp đơn nên không được miễn án phí. Anh Nguyễn Trường G, anh Nguyễn Trung K, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh phải chịu án phí dân sự tương ứng với giá trị di sản thừa kế được hưởng

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

Căn cứ vào các Điều 213 ; 609; 610; 611; 612; 613; 649; 650; 651; 652; 660; 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; 147; 273; 275 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ; khoản 1 Mục II danh mục mức án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn là bà Lương Thị M đối với di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C.
2. Xác định Nhà đất tại số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L bao gồm : 110,8 m² đất sử dụng riêng và các công trình xây dựng trên đất; 93 m² sử dụng chung thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 15 đã được được UBND quận Long Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD473733 ngày 24/5/2005, ngày 18/4/2008 đã chuyển quyền sử dụng 77,4m² cho ông Lê Quyết T và bà Bùi Hồng S theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng số 19/2008 ngày 08/3/2008, diện tích và hình thể theo bản trích đo lập ngày 02/6/2022 của Công ty cổ phần địa chính Thăng Long 110,8 m² có giá trị 7.426.820.460 đồng là tài sản chung vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn C và bà Lương Thị M.
3. Xác định tài sản thuộc sở hữu của bà Lương Thị M là ½ diện tích 110,8 m² đất sử dụng riêng và các công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L ; 93 m² sử dụng chung thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 15 đã được được UBND quận Long Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD473733 ngày 24/5/2005, ngày 18/4/2008 đã chuyển quyền sử dụng 77,4m² cho ông Lê Quyết T và bà Bùi Hồng S theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng số 19/2008 ngày 08/3/2008, diện tích và hình thể theo bản trích đo lập ngày 02/6/2022 của Công ty cổ phần địa chính Thăng Long 110,8 m² đất có giá trị 3.713.410.230 đồng.
4. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C là ½ diện tích 110,8 m² đất sử dụng riêng và các công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L ; 93 m² sử dụng chung thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 15 đã được được UBND quận Long Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD473733 ngày 24/5/2005, ngày 18/4/2008 đã chuyển quyền sử dụng 77,4m² cho ông Lê Quyết T và bà Bùi Hồng S theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng số 19/2008 ngày 08/3/2008, diện tích và hình thể theo

bản trích đo lập ngày 02/6/2022 của Công ty cổ phần địa chính Thăng Long 110,8 m² đất có giá trị 3.713.410.230 đồng.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu tính công sức duy trì tôn tạo.

6. Chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C.

X,c ®Pnh thêi ®iÔm mẽ thõa kÕ vuo nguy Nguyễn Văn Chung mất ngày 26/9/2009

X,c ®Pnh húng thõa kÕ thø nhÊt cĩa ông C được chia cho 4 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm : (1) Bà Lương Thị M, (2) anh Nguyễn Trường G, (3) anh Nguyễn Trung K, (4) cụ Nguyễn Văn S chết năm 2021 nên kỷ phần thừa kế của cụ S do Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh, ông Nguyễn Văn C(ông C mất năm 2019 nên các con của ông C là anh Nguyễn Trường G và anh Nguyễn Trung K được thừa kế thế vị) được hưởng thừa kế chuyển tiếp. Tæng céng 04 kũ phÇn thõa kÕ .

- Bà Lương Thị M, anh Nguyễn Trường G, anh Nguyễn Trung K, ông Nguyễn Văn S (do Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn C (chết năm 2009 nên anh Nguyễn Trung K và Nguyễn Trường G hưởng thừa kế thế vị) là người thừa kế chuyển tiếp). Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là $3.713.410.230 \text{ đồng} / 4 = 928.352.557 \text{ đồng}$.

- Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn C (do anh Nguyễn Trung K và Nguyễn Trường G hưởng thừa kế thế vị) là người thừa kế chuyển tiếp của ông Nguyễn Văn S, mỗi kỷ phần được hưởng thừa kế từ cụ S là $928.352.557 \text{ đồng} / 7 = 132.621.793 \text{ đồng}$. Nguyễn Trung K và anh Nguyễn Trường G mỗi người được hưởng thừa kế thế vị là $132.621.793 \text{ đồng} / 2 = 66.310.896 \text{ đồng}$.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị M, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn C nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

* ChÊp nhÊn yªu cÇu ®Ò nghÞ ®-íc h-êng thõa kÕ b»ng hiÔn vÊt lụ nhự ®Êt cĩa anh Nguyễn Trung K.

- Chia cho nguyên đơn là bà Lương Thị M diện tích đất 56.3 m² sử dụng riêng được giới hạn bởi các điểm 2,2'6'7,2; 93 m² đất sử dụng chung được giới hạn bởi các điểm 4,5,6,...17,18,4 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 15 (nay là nhà số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L TP Hà Nội) có giá trị quyền sử dụng đất là $56.3 \text{ m}^2 \times 60.000.000 \text{ đồng} / \text{m}^2 = 3.378.000.000 \text{ đồng}$ và các công trình xây dựng trên đất gồm Nhà B3.5 diện tích xây dựng là 145.2 m² và sân phía trước lợp mái có diện tích 13 m² (Hiện do bà Lương Thị M và gia đình anh Nguyễn Trường G sinh sống) có giá trị là 391.949.888 đồng. Tổng cộng là 3.769.949.888 đồng.

(Có trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án số 125)

- Chia cho anh Nguyễn Trung K được sở hữu 54,5 m² đất sử dụng riêng được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,6',2'; 93 m² đất sử dụng chung được giới hạn

bởi các điểm 4,5,6,...17,18,4 thuộc thửa đất số 293 tờ bản đồ số 15 (nay là nhà số 9 ngõ 197/1 phố L tổ 12 phường B quận L TP Hà Nội) có giá trị quyền sử dụng đất là $54,5 \text{ m}^2 \times 60.000.000 \text{ đồng/ m}^2 = 3.270.000.000 \text{ đồng}$ và các công trình xây dựng trên đất gồm Nhà B3.5 diện tích xây dựng là $143,1 \text{ m}^2$ và sân phía trước lợp mái có diện tích $13,4 \text{ m}^2$ (Hiện do gia đình anh Nguyễn Trung K sinh sống) có giá trị là 386.870.572 đồng. Tổng cộng là 3.656.870.572 đồng.

Anh Nguyễn Trung K được hưởng kỷ phần thừa kế là 928.352.557 đồng và được hưởng thừa kế thế vị là $132.621.793 \text{ đồng}/2 = 66.310.896 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 994.663.453 đồng;

Thanh Toán bằng giá trị như sau :

Thanh Toán bằng giá trị như sau :

- Anh Nguyễn Trung K phải thanh toán cho bà Lương Thị M số tiền $928.352.557 - 56.539.658 \text{ đồng} = 871.812.899 \text{ đồng}$;

- Anh Nguyễn Trung K phải thanh toán cho anh Nguyễn Trường G số tiền 994.663.453 đồng.

- Anh Nguyễn Trung K phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là 132.621.793 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Người được chia hiện vật (bà Lương Thị M, anh Nguyễn Trung K) có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà đất có thẩm quyền để đăng ký kê khai, điều chỉnh sang tên trước bạ nhà đất được chia theo quy định của pháp luật, sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán giá trị di sản thừa kế cho bà Lương Thị M, anh Nguyễn Trường G, và những người thừa kế chuyển tiếp là Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh.

8. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

9. Về án phí:

Miễn án phí cho bà Lương Thị M.

Anh Nguyễn Trường G, Nguyễn Trung K mỗi người phải chịu 41.839.904 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh mỗi người phải chịu 6.631.090 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt của Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Trung K, chị Trần Thị H, chị Đỗ Khánh Hà; Vắng mặt bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Minh có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND quận Long Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên;
- Tòa án thành phố Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm Anh